

Bản án số: 16/2026/HS-ST

Ngày: 04-02-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Thái Sương

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Thành Quyết

bà Nguyễn Thị Tám

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Trương Công Trình - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2026/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2026/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Bùi Thanh V, sinh ngày: 05/02/1977; nơi ĐKNKTT: tổ E, phường T, thành phố Đà Nẵng; nơi ở hiện tại: tổ B, phường T, thành phố Đà Nẵng, nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 03/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Bùi Văn T (đã chết) và bà Võ Thị T1; vợ Nguyễn Thị Mỹ T2; bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm: 2003, con nhỏ sinh năm: 2008; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Năm 1997, bị TAND thành phố Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác, Gây rối trật tự công cộng”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/11/2025, hiện đang bị tạm giam Trại tạm giam số 02 Công an thành phố Đ, có mặt.

2. Nguyễn Công A, sinh ngày 15/12/1972; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn E, xã T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp

09/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Công B (đã chết) và bà Trần Thị M; vợ: Phan Thị T3 là bị cáo trong vụ án; có 02 người con; con lớn sinh năm: 2002, con nhỏ sinh năm: 2009; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 15/6/1986, bị Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ) xử phạt hành chính cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản”; ngày 01/5/1988, bị Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng (cũ) xử phạt 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 18 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và 02 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam giữ”; ngày 24/8/1994, bị Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng (cũ) xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 31/01/1996, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng (cũ) xử phạt 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 01 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; ngày 08/4/2005, bị Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam (cũ) xử phạt hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại đến sức khỏe của người khác”; ngày 13/01/2006, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Q (cũ) ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục thời gian 24 tháng về hành vi “Cố ý gây thương tích”; ngày 18/5/2016, bị Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam (cũ) xử phạt hành chính về hành vi “Cất giấu hung khí trong người nhằm cố ý gây thương tích”; ngày 23/5/2017, bị Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam (cũ) xử phạt hành chính về hành vi “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; ngày 12/5/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình (cũ) ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/5/2025, hiện đang bị tạm giam Trại tạm giam số 02 Công an thành phố Đ, có mặt.

3. Phan Thị T3, sinh ngày 10/12/1975 tại xã Đ, thành phố Đà Nẵng; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn E, xã T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: lớp 08/12; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phan Văn M1 và bà Nguyễn Thị T4 (đều đã chết); chồng: Nguyễn Công A là bị cáo trong vụ án; có 02 người con; con lớn sinh năm: 2002, con nhỏ sinh năm: 2009; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 23/7/2019, bị UBND huyện T, tỉnh Quảng Nam (cũ) xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 15.000.000 đồng về hành vi “Tổ chức đánh bạc”; ngày 26/12/2020, bị TAND huyện Thăng Bình xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/5/2025, hiện đang bị tạm giam Trại tạm giam số 02 Công an thành phố Đ, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Quang T5, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn H, xã T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.
2. Bùi Viết N, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ E, thôn B, xã T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.
3. Nguyễn Công V1, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn D, xã T, thành phố Đà Nẵng, có mặt.
4. Võ Như P, sinh năm 1994, địa chỉ: Thôn E, xã T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.
5. Trần Hữu T6, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn E, xã T, thành phố Đà Nẵng, có mặt.
6. Huỳnh Văn H, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn E, xã T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 12/01/2025, tổ công tác Công an huyện T, phối hợp với Công an thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam (cũ) thực hiện công tác tuần tra phát hiện Nguyễn Công V1 có biểu hiện nghi vấn tàng trữ trái phép chất ma túy (loại thực vật khô màu nâu đựng trong túi ni lông có khóa kéo viền đỏ) nên lập biên bản thu giữ túi ni lông có khóa kéo viền đỏ bên trong chứa thực vật khô màu nâu và tiến hành làm việc với V1. Qua làm việc V1 khai túi ni lông có khóa kéo viền đỏ bên trong chứa thực vật khô màu nâu công an thu giữ là ma túy V1 mua của vợ chồng Phan Thị T3, Nguyễn Công A trú thôn E, xã T về sử dụng. Tiến hành kiểm tra nhà Phan Thị T3, Nguyễn Công A thu giữ 24 túi ni lông có khóa kéo viền đỏ bên trong chứa thực vật khô màu nâu; ngày 15/4/2025 tiếp tục kiểm tra nhà A, T3 thu giữ thêm 16 túi ni lông có khóa kéo viền đỏ bên trong chứa thực vật khô màu nâu, 30 túi ni lông có khóa kéo viền đỏ bên trong không có gì.

Tại Kết luận giám định số: 157/KL-KTHS ngày 03/02/2025 và Kết luận giám định số: 806/KL-KTHS ngày 28/5/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Các mẫu thực vật khô màu nâu trong 41 túi ni lông có khóa kéo viền đỏ thu giữ của Nguyễn Công V1, Nguyễn Công A và Phan Thị T3 gửi giám định đều tìm thấy chất ma túy MDMD-INACA và MDMB-4en-PINACA, có tổng khối lượng: 102,39gam.

Quá trình điều tra Phan Thị T3 và Nguyễn Công A khai nhận: Nguyễn Công A và Phan Thị T3 có quan hệ vợ chồng, bản thân Nguyễn Công A nghiện ma túy (loại thực vật khô màu nâu), để có ma túy sử dụng, từ tháng 12/2024 đến 20/4/2025, Anh 04 lần ra phường T, thành phố Đà Nẵng mua ma túy (loại thực vật khô màu nâu) của Bùi Thanh V (sinh năm: 1977, trú Tổ E, phường T) về chia nhỏ ra thành nhiều túi ni lông để sử dụng và bán lại kiếm lời, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng giữa tháng 12/2024 (ngày không nhớ), Anh liên lạc cho V hỏi mua 1.000.000 đồng tiền ma túy loại thực vật khô màu nâu thì V đồng ý, V hẹn A ra nhà V đưa tiền và lấy ma túy. Như đã hẹn, Anh đón xe buýt ra nhà đưa cho V 1.000.000 đồng rồi lấy ma túy về phân nhỏ ra thành nhiều túi ni lông để sử dụng và bán lại;

Lần thứ hai: Đầu tháng 01/2025, Anh liên lạc cho V hỏi mua 1.000.000 đồng tiền ma túy, cũng như lần thứ trước, V hẹn A ra nhà V đưa tiền và lấy ma túy. Sau khi mua ma túy về Việt phân nhỏ ra thành nhiều túi ni lông để sử dụng và bán lại;

Lần thứ ba: Vào ngày 05/4/2025, Anh nhắn tin cho V hỏi mua 3.000.000 đồng tiền ma túy, sau khi nhận được tin nhắn của A, V nhắn tin lại cho Anh nội dung “Ok 3 triệu 4h chiều” (nghĩa là V đồng ý bán và hẹn Anh 16 giờ cùng ngày giao dịch). Như đã hẹn, Anh đón xe buýt ra nhà V đưa cho V 3.000.000 đồng rồi lấy ma túy về phân nhỏ ra thành nhiều túi ni lông để sử dụng và bán lại;

Lần thứ tư: Vào ngày 20/4/2025, Anh đón xe buýt ra đường H, phường T, thành phố Đà Nẵng rồi liên lạc cho V hỏi mua 1.000.000 đồng tiền ma túy thì V nhắn tin hẹn Anh “10 phút chạy về”. Sau đó, V chạy về lấy ma túy đưa cho A. Anh đem ma túy về phân nhỏ ra thành nhiều túi ni lông cất giấu để sử dụng và bán lại.

Làm việc với Bùi Thanh V, V khai nhận hành vi phạm tội như trên, qua điều tra V còn khai nhận ngoài bán ma túy cho Nguyễn Công A, V còn bán cho nhiều người khác (không rõ họ tên địa chỉ) thu lợi được 300.000 đồng.

Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy của vợ chồng Nguyễn Công A, Phan Thị T3 quá trình điều tra xác định, sau khi Anh mua ma túy (loại thực vật khô màu nâu) của V về, Anh phân nhỏ ra thành nhiều túi ni lông để sử dụng và bán lại, những lúc có Anh ở nhà thì A trực tiếp bán, những lúc không có Anh ở nhà thì T3 bán rồi đưa tiền lại cho A. Tính từ đầu tháng 01/2025 đến ngày 16/01/2025 A, T3 07 lần bán ma túy cho các con nghiện (Anh 04 lần, T3 03). Trong đó có 01 lần (ngày 16/01/2025) Anh thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy sau khi sự việc ngày 12/01/2025 đã bị cơ quan công an phát hiện lập biên bản thu giữ toàn bộ ma túy (loại thực vật khô màu nâu) và đang xác minh để xử lý thì Anh vẫn tiếp tục ra phường T, thành phố Đà Nẵng mua ma túy của V về sử dụng và bán lại, cụ thể:

Đối với Nguyễn Công A:

Lần thứ nhất: Khoảng đầu tháng 01/2025 (ngày không nhớ), Trần Hữu T6 (sinh năm: 1980, trú Thôn E, xã T, thành phố Đà Nẵng) đến nhà gặp A hỏi mua 30.000 đồng tiền ma túy thì A lấy đưa cho T6 01 túi ni lông thực vật khô chứa ma túy. T6 mang túi ni lông thực vật khô chứa ma túy về nhà sử dụng một mình.

Lần thứ hai: Vào trưa ngày 05/01/2025, Nguyễn Công V1 đến nhà gặp Anh hỏi mua 50.000 đồng tiền ma túy thì A lấy đưa cho V1 01 túi ni lông thực vật khô chứa ma túy. V1 mang túi ni lông thực vật khô chứa ma túy về nhà sử dụng một mình.

Lần thứ ba: Khoảng 10 giờ 30’ ngày 12/01/2025, Võ Như P (sinh năm: 1994; trú Thôn E, xã T, thành phố Đ) đến nhà gặp Anh hỏi mua 50.000 đồng tiền ma túy

thì A lấy đưa cho P 01 túi ni lông thực vật khô chứa ma túy. P mang túi ni lông thực vật khô chứa ma túy về nhà sử dụng một mình.

Lần thứ tư: Trưa ngày 16/01/2025, Nguyễn Quang T5 (sinh năm: 1996, trú thôn H) và Bùi Viết N (sinh năm: 1998, trú: thôn B), xã T, thành phố Đà Nẵng) rủ nhau góp mỗi người 50.000 đồng đi mua ma túy loại thực vật khô về sử dụng. Sau khi góp tiền N chở T5 đến gần nhà Nguyễn Công A, đến nơi N để T5 ở ngoài, N đi bộ vào nhà gặp A hỏi mua 100.000 đồng tiền ma túy, A lấy tiền rồi chỉ N ra phía cây dù đối diện nhà A lấy ma túy. N ra chở T5 đến chỗ cây dù Anh chỉ để T5 lấy gói thực vật khô rồi chở nhau về nhà T5 sử dụng. Trong lúc T5 và N đang sử dụng ma túy thì bị tổ công tác đồn Biên phòng B2 phát hiện bắt quả tang.

Qua điều tra Anh còn khai nhận ngoài bán ma túy cho T6, V1, P, N như đã nêu trên, cùng trong khoảng thời gian này Anh còn bán ma túy cho nhiều người khác (không rõ nhân thân lai lịch) thu lợi 2.000.000 đồng.

Đối với Phan Thị T3:

Lần thứ nhất: Khoảng 09 giờ 00' ngày 12/01/2025, Võ Như P (sinh năm: 1994; trú Thôn E, xã T, thành phố Đà Nẵng) đến nhà gặp T3 hỏi mua 50.000 đồng tiền ma túy thì T3 lấy đưa cho P 01 túi ni lông thực vật khô chứa ma túy. P mang túi ni lông thực vật khô chứa ma túy về nhà sử dụng một mình.

Lần thứ hai: Khoảng 16 giờ ngày 12/01/2025, Nguyễn Công V1 đến nhà gặp T3 hỏi mua 100.000 đồng tiền ma túy thì T3 lấy đưa cho V1 02 túi ni lông thực vật khô chứa ma túy. V1 mang 02 túi ni lông thực vật khô chứa ma túy về nhà sử dụng một mình.

Lần thứ ba: Khoảng 21 giờ ngày 12/01/2025, V1 đến nhà gặp T3 hỏi mua 50.000 đồng tiền ma túy thì T3 lấy đưa cho V1 01 túi ni lông thực vật khô chứa ma túy, V1 mang túi ni lông thực vật khô chứa ma túy về để sử dụng, trên đường về được một đoạn thì bị tổ công tác Công an huyện T, phối hợp với Công an thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam (cũ) phát hiện lập biên bản tạm giữ.

Bản cáo trạng số: 36/CT-VKSKV6-HS ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Đà Nẵng truy tố: bị cáo Bùi Thanh V về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các bị cáo Nguyễn Công A, Phan Thị T3 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm a, b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố Nhà nước luận tội giữ nguyên bản Cáo trạng đã truy tố về tội danh, khoản, điều luật đối với từng bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Bùi Thanh V, Nguyễn Công A, Phan Thị T3 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Bùi Thanh V từ 07 (B) năm 06 (S) tháng tù đến 08 năm tù.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 5; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015: riêng bị cáo A đề nghị áp dụng thêm điểm r, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công A từ 07 (B) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 07 (Bảy) năm 09 (Chín) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Phan Thị T3 từ 07 (B1) năm tù đến 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù

Và đề nghị xử lý vật chứng và các vấn đề liên quan trong vụ án theo quy định của pháp luật như cáo trạng đã đề cập.

Các bị cáo không tranh luận và đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định được:

Bị cáo Phan Thị T3 và Nguyễn Công A có quan hệ vợ chồng, bản thân bị cáo A nghiện ma túy, để có ma túy sử dụng, từ tháng 12/2024 đến 20/4/2025, bị cáo A 04 lần ra phường T, thành phố Đà Nẵng mua 6.000.000 đồng tiền ma túy (loại thực vật khô màu nâu) của bị cáo Bùi Thanh V về chia nhỏ ra thành nhiều túi ni lông để sử dụng và bán lại, những lúc có bị cáo A ở nhà thì bị cáo A trực tiếp bán, những lúc không có bị cáo A ở nhà thì bị cáo T3 (vợ Anh) bán rồi đưa tiền lại cho bị cáo A.

Tính từ đầu tháng 01/2025 đến ngày 16/01/2025 bị cáo A nhiều lần bán ma túy cho nhiều người thu lợi được 2.230.000 đồng, trong đó có 04 lần bán ma túy cho Trần Hữu T6, Nguyễn Công V1, Võ Như P, Bùi Viết N (mỗi người 01 lần), thu lợi 230.000 đồng; bị cáo T3 01 lần bán ma túy cho Võ Như P, 02 lần bán cho Nguyễn Công V1, thu lợi 200.000 đồng. Đối với bị cáo V ngoài 04 lần bán ma túy cho bị cáo Anh như trên, bị cáo V còn bán cho bị cáo Nguyễn Công A 01 lần và cho những người khác (không rõ nhân thân lai lịch) thu lợi 300.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định khoa học hình sự, lời khai của người liên quan và các chứng cứ khác do cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Hành vi của bị cáo Bùi Thanh V đã cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Công A, Phan Thị T3 đã cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] *Xét tính chất, mức độ, vai trò và hậu quả do hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:*

Xét tính chất, mức độ: bị cáo Bùi Thanh V phạm tội với tình tiết định khung “*Phạm tội 02 lần trở lên*” về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Công A, Phan Thị T3 phạm tội với tình tiết định khung “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Phạm tội có tổ chức*” về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm trực tiếp đến quy định của Nhà nước về kiểm soát, quản lý, sử dụng các chất ma túy và tiền chất ma túy, nên cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm.

Nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân xấu.

Bị cáo V năm 1997, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác, Gây rối trật tự công cộng*”.

Bị cáo Anh ngày 15/6/1986, bị Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ) xử phạt hành chính cảnh cáo về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”; ngày 01/5/1988, bị Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng (cũ) xử phạt 03

năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 18 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và 02 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam giữ”; ngày 24/8/1994, bị Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng (cũ) xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 31/01/1996, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng (cũ) xử phạt 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 01 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; ngày 08/4/2005, bị Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam (cũ) xử phạt hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại đến sức khỏe của người khác”; ngày 13/01/2006, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Q (cũ) ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục thời gian 24 tháng về hành vi “Cố ý gây thương tích”; ngày 18/5/2016, bị Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam (cũ) xử phạt hành chính về hành vi “Cất giấu hung khí trong người nhằm cố ý gây thương tích”; ngày 23/5/2017, bị Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam (cũ) xử phạt hành chính về hành vi “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; ngày 12/5/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình (cũ) ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Bị cáo T3 ngày 23/7/2019, bị Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam (cũ) xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 15.000.000 đồng về hành vi “Tổ chức đánh bạc”; ngày 26/12/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Đánh bạc”.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo V sau khi phạm tội đã tự thú ra các lần phạm tội trước đó nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo A sau khi phạm tội đã tự thú ra các lần phạm tội trước đó và trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng trong việc phát hiện tội phạm nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Vai trò của từng bị cáo: Bị cáo Bùi Thanh V 04 lần bán ma túy cho Nguyễn Công A với số tiền 6.000.000 đồng và bán cho những người khác (không rõ nhân thân lai lịch) thu lợi 300.000 đồng. Bị cáo Phan Thị T3 và Nguyễn Công A có quan hệ vợ chồng, từ tháng 12/2024 đến 20/4/2025, bị cáo A 04 lần mua ma túy của V với số tiền 6.000.000 đồng về chia nhỏ ra thành nhiều túi ni lông để sử dụng và bán lại, từ đầu tháng 01/2025 đến ngày 16/01/2025 bị cáo A nhiều lần bán ma túy cho nhiều người thu lợi được 2.230.000 đồng, trong đó có 04 lần bán ma túy cho Trần Hữu T6, Nguyễn Công V1, Võ Như P, Bùi Viết N (mỗi người 01 lần), thu lợi 230.000 đồng; bị cáo T3 01 lần bán ma túy cho Võ Như P, 02 lần bán cho Nguyễn Công V1, thu lợi 200.000 đồng.

Bị cáo Phan Thị T3 và Nguyễn Công A có quan hệ vợ chồng, bị cáo T3 tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo A, sau khi bán ma túy bị cáo T3 giao lại tiền cho bị cáo A sử dụng, bị cáo T3 không sử dụng tiền bán ma túy. Số lượng và số lần mua bán ma túy của bị cáo T3 ít hơn các bị cáo A và V nên bị cáo T3 có mức án thấp hơn các bị cáo A và V.

Với những phân tích đánh giá trên, khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ xem xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo để cá thể hóa hình phạt và ấn định mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ do hành vi của từng bị cáo gây ra.

[2.3] Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội có mục đích thu lợi nhuận, nên cần xử phạt bổ sung bằng tiền để tăng tính nghiêm minh của pháp luật.

[2.4] Xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và vấn đề liên quan trong vụ án:

Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 50.000 đồng Phan Thị T3 bán ma túy mà có, 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu đen của Nguyễn Công A sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Đối với 71 túi ni lông có khóa kéo viền đỏ, 82,4 gam thực vật khô chứa ma túy còn lại sau giám định. Các sim số có số thuê bao 0935.048.205 của Bùi Thanh V, số 0386.814.210, 0836505474 của Nguyễn Công A, số 033556514 của Nguyễn Công V1, số 0392521574, 0911.434.595, 0984.762.675 và 0905.484.707 của Phan Thị T3 không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với các tài sản 01 điện thoại di động hiệu VIVO Y15S của Nguyễn Công V1; 01 điện thoại di động hiệu Masstel Hapi 20, 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu hồng, 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh của Phan Thị T3; 01 điện thoại di động loại bàn phím màu đen Nguyễn Công A không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho các chủ sở hữu. Tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ các điện thoại của T3, Anh để đảm bảo thi hành án.

- Cần truy thu số tiền các bị cáo có được từ việc mua bán trái phép chất ma túy gồm: Bùi Thanh V 6.300.000 đồng, Nguyễn Công A và Phan Thị T3 2.380.000 đồng.

Những vấn đề khác có liên quan trong vụ án:

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho bị cáo V ở khu vực cầu T, Đà Nẵng, không rõ nhân thân lai lịch nên không có cơ sở để xác minh điều tra xử lý.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn công A, Trần Hữu T6, Nguyễn Công V1, Võ Như P, Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển hồ sơ xử lý hành chính theo quy định pháp luật.

Đối với hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” của Nguyễn Quang T5 và Bùi Viết N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ ra Quyết định khởi tố vụ án, bị can, bắt bị can đối với T5, N để điều tra trong vụ án khác.

Đối với điện thoại di động của bị cáo V dùng liên lạc mua bán ma túy với A, bị cáo đã làm mất, không truy tìm được nên không có cơ sở để xử lý.

[2.6] *Về án phí*: Các bị cáo Bùi Thanh V, Nguyễn Công A và Phan Thị T3 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 đối với các bị cáo Bùi Thanh V, Nguyễn Công A và Phan Thị Tuyết . Căn cứ thêm điểm a khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Công A và Phan Thị Tuyết . Căn cứ thêm điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Thanh V, Nguyễn Công A; điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Công A. Căn cứ Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[2] Tuyên bố các bị cáo Bùi Thanh V, Nguyễn Công A và Phan Thị T3 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh V 07 (Bảy) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/11/2025.

Xử phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Bùi Thanh V 7.000.000 (*Bảy triệu*) đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công A 07 (Bảy) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/5/2025.

Xử phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Nguyễn Công A 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng.

Xử phạt bị cáo Phan Thị T3 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/5/2025.

Xử phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Phan Thị T3 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng.

[3] *Về xử lý vật chứng của vụ án và các vấn đề liên quan khác*:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: số tiền 50.000 (Năm mươi nghìn) đồng của bị cáo Phan Thị T3, 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu đen của bị cáo Nguyễn Công A.

Tịch thu tiêu hủy: 30 túi ni lông có khóa kéo viền đỏ, 82,4 gam thực vật khô chứa ma túy còn lại sau giám định (kèm phong bì số: 806/KL-KTHS và phong bì số 157/KL-KTHS có dấu đỏ của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng), các sim điện thoại có số thuê bao 0935.048.205 của Bùi Thanh V, số 0386.814.210, 0836505474 của Nguyễn Công A, số 033556514 của Nguyễn Công V1, số 0392521574, 0911.434.595, 0984.762.675 và 0905.484.707 của Phan Thị Tuyết

Trả lại các vật chứng:

Trả lại cho Nguyễn Công V1 01 điện thoại di động hiệu VIVO Y15S.

Trả lại cho bị cáo Phan Thị T3 01 điện thoại di động hiệu Masstel Hapi 20, 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu hồng, 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh; Nguyễn Công A 01 điện thoại di động loại bàn phím màu đen. Tiếp tục tạm giữ các tài sản này của bị cáo A và T3 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Biện pháp tư pháp:

Truy thu của bị cáo Bùi Thanh V 6.300.000 (Sáu triệu ba trăm nghìn) đồng, của bị cáo Nguyễn Công A và bị cáo Phan Thị T3 2.380.000 (Hai triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng.

(Vật chứng trên hiện đang được tạm giữ tại Phòng THADS khu vực 6 – Đà Nẵng theo biên bản giao nhận ngày 06/01/2026 và giấy nộp tiền của Công an huyện T).

[3] *Về Án phí:* Buộc các bị cáo Bùi Thanh V, Nguyễn Công A và Phan Thị T3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: các bị cáo, người tham gia tố tụng có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ khi nhận được trích lục bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 6 - Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT Công an Đà Nẵng;
- Văn phòng CA Công an Đà Nẵng;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ, CA TP. Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 6- Đà Nẵng;
- Bị cáo, người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Sương